TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2022/DS-PT
Ngày: 21-01-2022
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị L

Bà Nguyễn Huỳnh T

- Thư ký phiên toà: Bà Võ N - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn B - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/01/2021; ngày 01/02/2021; ngày 01/3/2021; ngày 31/3/2021; ngày 28/12/2021 và ngày 21/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 498/2020/TLPT-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2020/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 547/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Võ Thị Quốc M, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 119A, ấp B, xã B, huyện V, Đồng Tháp;

1.2. Võ Văn H, sinh năm 1946;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp;

1.3. Võ Thị P, sinh năm 1957;

Địa chỉ: khóm A, phường M, TP. X, **Tỉnh G;**

1.4. Võ Thị Kim L, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện C, **Tỉnh G;**

1.5. Võ Thị K, sinh năm 1966;

Địa chỉ: khóm H, phường M, TP. X, **Tỉnh G**;

1.6. Võ Thị Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Đường Đ, phường B, thành phố X, tỉnh **Tỉnh G**;

7. Võ Công T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T ủy quyền cho: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện C, tỉnh **Tỉnh G** (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/01/2021);

2. Bị đơn: Đặng Thị L, sinh năm 1961;

Hộ khẩu thường trú: 343/174 Trần Văn K, Phường 7, Quận 6, Thành phố M;

Địa chỉ tạm trú: Ấp L, xã B, huyện V, Đồng Tháp;

Người kháng cáo: Bà Võ Thị Quốc M là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T (còn viết tắt là các nguyên đơn) trình bày:***

Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 642,4m^2 (Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020 và Sơ đồ đo đạc ngày 01/10/2020) nằm trong diện tích đất 2.531m^2 thuộc thửa 130, tờ bản đồ số 50, đất tại ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp do bà Đặng Thị L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất là của ông bà để lại cho cha mẹ ruột của các nguyên đơn là cụ Võ Văn D và cụ Trương Thị R (hiện nay cụ D và cụ R đã chết). Vào năm 1979 Nhà nước thực hiện chính sách trang trãi ruộng đất, nên Ủy ban nhân dân (UBND) xã B đã cắt phần đất ruộng của cụ D và cụ R diện tích 2.531m^2 cấp cho ông Đặng Văn C, trên đất có 08 ngôi mộ gồm: 04 mộ đá và 04 mộ đất.

Năm 2017 ông C chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 130 cho bà Đặng Thị L (là em ruột của ông C). Ngày 26/7/2017 bà M đại diện cho các nguyên đơn kiện ông Đặng Văn C đến Ban nhân dân ấp B. Tổ hòa giải ấp B đã hòa giải giữa bà M với ông C, thì ông C thống nhất trả lại phần đất mồ mã cho gia đình bà M và phía gia đình bà M đã xuống trụ đá và làm hàng rào lưới B40 bao xung quanh phần khu mộ. Sau khi bà L được cấp giấy chứng nhận QSD đất, thì bà L tháo dở hàng rào lưới B40 và trụ đá mà các nguyên đơn đã rào phần đất khu mộ, đồng thời xây dựng hàng rào bằng trụ đá và lưới B40 tiếp giáp phía sau phần đất của gia đình bà M (đất ông D), đã làm ảnh hưởng đến việc chăm sóc mồ mã ông bà của gia đình bà M.

Các nguyên đơn bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T yêu cầu bà Đặng Thị L phải tháo dở hàng rào, trả lại hiện trạng ban đầu phần đất khu mộ có diện tích là 642,4m^2 theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020 và Sơ đồ đo đạc ngày 01/10/2020 được tính từ: Mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1;

M5, M4, M8, M9 về M5; M10, M11, M1, M6, M5, M9 về M10; M2, M17, M7, M8, M4, M3 về M2 thuộc một phần của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 50 nằm trong diện tích 2.531m^2, đồng thời yêu cầu bà L dỡ bỏ toàn bộ cây trồng có trên phần đất tranh chấp để trả lại phần đất khu mộ cho các nguyên đơn.

**** Bị đơn bà Đặng Thị L (còn viết tắt là bị đơn) trình bày:***

Vào ngày 23/6/2017 bà L có nhận chuyển nhượng đất của hộ gia đình ông Đặng Văn C (là anh ruột của bà L) diện tích 2.531m^2, loại đất (LUA) thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 50, đất tại ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp và được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 15/9/2017.

Nguồn gốc đất thửa 130 là của cụ Võ Văn D và cụ Trương Thị R, họ là cha mẹ của các nguyên đơn. Ông C được sử dụng phần đất này là do Nhà nước thực hiện chính sách trang trãi ruộng đất, nên Tập đoàn mới cắt phần diện tích đất của cụ D và cụ R nêu trên cấp cho ông C sử dụng. Lúc bà L nhận chuyển nhượng đất từ ông C, thì trên phần đất này có 04 cái mộ đá và có cả mộ đất của ông bà gia đình bà M. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông C thì bà L có trồng xoài, mít, bơ, hạnh, vú sữa, sầu riêng, ổi trên đất và xây dựng hàng rào bằng lưới B40 giáp ranh đất phía sau nhà của gia đình bà M.

Vào khoảng năm 2017 - 2018 bà L tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ gia đình của bà M cũng tại thửa 130, khi đo đạc đất vào ngày 06/9/2018, bà L đã thống nhất chừa cho phía gia đình bà M diện tích là 123m^2 (gồm khu mồ mã và lối đi), phía gia đình bà M thì yêu cầu chừa diện tích trên 500m^2, nên bà L không đồng ý.

Bà L nhận chuyển nhượng đất của ông C vào ngày 23/6/2017, đến ngày 26/6/2017 thì gia đình bà M kiện ông C và được Tổ hòa giải ấp B, xã B hòa giải giữa bà M với ông C, tại buổi hòa giải đó bà L không có tham gia. Sau hòa giải của ấp B, thì gia đình bà M tự ý rào xung quanh khu mộ bằng trụ đá và lưới B40, nên bà L không đồng ý và tháo lưới B40 để nằm tại đất. Ngoài ra, bà L còn cung cấp cho Tòa án *"Tờ cam kết"* đề ngày 05/02/2019 của ông Võ Công T (em ruột của bà M), nội dung Tờ cam kết là yêu cầu bà L cho chôn cất cha là ông Võ Văn D trên phần đất thuộc QSD của bà L, sau này không chôn cất ai trên phần đất này nữa.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L trả lại cho các nguyên đơn phần đất khu mộ theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020 có diện tích là 642,4m^2. Bà L không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn. Bà L đồng ý trả lại cho các nguyên đơn phần đất khu mộ có diện tích là 49,6m^2 (tính từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1) và lối đi có diện tích là 12,2m^2 (tính từ mốc M5, M4, M8, M9 về M5), tổng diện tích là 61,8m^2.

Các đương sự thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ theo Biên bản ngày 24/7/2020, ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, Biên bản ngày 25/01/2021, ngày 26/3/2021 và ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và thống nhất về số đo, diện tích theo Sơ đồ đo đạc ngày 01/10/2020, ngày 25/5/2021 và ngày 24/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng

ký đất đai huyện V; Thống nhất kết quả định giá theo Biên bản định giá ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

**** Người làm chứng ông Đặng Văn C trình bày:*** Ông C là anh ruột của bà Đặng Thị L. Vào năm 1979 Nhà nước thực hiện chính sách trang trãi ruộng đất, nên UBND xã B cắt phần đất lúa của cụ Võ Văn D và cụ Trương Thị R (là cha mẹ của bà M) cấp cho gia đình ông C diện tích là 2.531m^2. Ông C được cấp giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2008 thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 50. Trên đất có 04 ngôi mộ đá, còn số mộ đất thì ông C không nhớ. Ông C sử dụng đất liên tục đến ngày 23/6/2017, thì chuyển nhượng toàn bộ đất này lại cho em ruột là bà Đặng Thị L, lúc chuyển nhượng ông C có chừa lại cho gia đình bà M phần đất khu mồ mã, nhưng không nhớ diện tích là bao nhiêu. Sau khi ông C chuyển nhượng đất cho bà L xong, thì gia đình bà M có thưa kiện ông ra Ban nhân dân ấp B, xã B, đã được Tổ Hòa giải ấp B giải quyết vào ngày 26/6/2017, ông C thống nhất chừa lại cho gia đình bà M phần đất khu mộ, gia đình bà M và ông C có trồng 04 trụ đá của khu mộ, nhưng thời điểm này ông C đã chuyển nhượng đất cho Đặng Thị L xong rồi, còn việc bà M trồng trụ đá và rào lưới B40 ông C không biết và không chứng kiến, vì thời điểm này ông C đã sinh sống tại Thành phố M.

Tại bản án sơ thẩm số 105/2020/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị L trả lại cho bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T diện tích 61,8m^2 gồm: Diện tích khu mồ mã là 49,6m^2 (tính từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1) và lối đi diện tích là 12,2m^2 (tính từ mốc M5, M4, M8, M9 về M5) có cửa phụ bằng lưới B.40 là 1,12m thuộc một phần của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 50 do bà Đặng Thị L đứng tên QSD đất *(Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020 và Sơ đồ đo đạc ngày 01/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V)*.

3. Bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T được QSD diện tích 61,8m^2 gồm: Diện tích khu mồ mã là 49,6m^2 (tính từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1) và diện tích lối đi là 12,2m^2 (tính từ mốc M5, M4, M8, M9 về M5) có cửa phụ bằng lưới B.40 là 1,12m thuộc một phần thửa đất số 130, tờ bản đồ số 50 do bà Đặng Thị L đứng tên QSD đất.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T được đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích 61,8m^2 thuộc một phần của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 50 (Tính từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1; mốc M5, M4, M8, M9 về M5 theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020 và sơ

đồ đo đạc ngày 01/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V).

5. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đặng Thị L có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh giảm diện tích đất đối với phần diện tích đất đã giao trả lại cho các nguyên đơn là 61,8m^2.

6. Đề nghị Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp điều chỉnh diện tích 61,8m^2 được thể hiện trong chu vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1; mốc M5, M4, M8, M9 về M5 loại đất LUA thuộc một phần của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 50, đất tại ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận quyền sử dung đất số bìa: CI 516113, số vào sổ CS 09582 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/9/2017 do bà Đặng Thị L đứng tên QSD đất, để cấp lại cho bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020 và Sơ đồ đo đạc ngày 01/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V).

7. Về án phí:

- Bà Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T phải chịu 2.177.000 đồng (Hai triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: BH/2018/0008970 ngày 05/12/2019 (số tiền là 1.000.000 đồng) và Biên lai thu tạm ứng án phí số: BI/2019/0009576 ngày 01/10/2020 (số tiền là 300.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Bà M, ông H, bà P, bà Kim L, bà K, bà Đ và ông Công T còn phải nộp 877.000 đồng (Tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T phải chịu: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng; chi phí đo đạc là 3.143.000 đồng; chi phí định giá tài sản là 300.000 đồng. Tổng cộng chung là 3.843.000 đồng (Ba triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng), số tiền này bà M đã nộp và đã chi xong, các nguyên đơn không phải nộp thêm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/10/2020, bà Võ Thị Quốc M là nguyên đơn trong vụ án đã kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2020/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V. Bà M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Võ Thị Kim L đồng thời đại diện cho các nguyên đơn ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Quốc M, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T trình bày: Các nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết công nhận cho các nguyên đơn được sử dụng diện tích đất 224,8m^2 trong phạm vi các mốc M1, M2, M6, M7, M8, M9, M18, M10 về M1 (Theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V) thuộc một phần thửa 130, diện tích 2.531m^2 (LUA), tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp do bà Đặng Thị L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/9/2017 (theo đơn khởi kiện yêu cầu diện tích 642,4m^2); Các nguyên đơn thống nhất trả giá trị cây trồng có trên diện tích đất 224,8m^2 cho bà L (Theo Biên bản định giá tài sản ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện V); Các nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với diện tích 417,6m^2 (642,4m^2 – 224,8m^2) thuộc một phần thửa 130 nữa và xin rút yêu cầu đối với diện tích 417,6m^2 này.

- Bị đơn bà Đặng Thị L trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu của các nguyên đơn chỉ thống nhất theo bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/01/2022 bà L tự ý bỏ về không tham dự phiên tòa, nên không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết phúc thẩm vụ việc. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn bà Đặng Thị L đến dự phiên tòa phúc thẩm vào ngày 21/01/2022 nhưng đã tự ý bỏ về không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của bà Võ Thị Quốc M ngày 21/10/2020 đúng thời hạn được quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự về đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo, nên được xem xét hợp lệ để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2020/DS-ST ngày 13/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện V theo hướng buộc bà L trả lại cho các nguyên đơn diện tích đất 224,8m^2 tại các mốc 1-2-6-7-8-9-18-10 về mốc 1 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 24/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, các nguyên đơn được quyền sở hữu các cây trồng có trên đất tranh chấp và có nghĩa vụ trả lại cho bà L giá trị các cây trồng với số tiền là 5.850.000đ; Buộc bà L có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ hàng rào lưới B40, vật kiến trúc của bà L để giao QSD đất diện tích 224,8m^2 cho các nguyên đơn. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị Quốc M không thống nhất bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2020/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V nên đã kháng cáo. Việc bà M nộp đơn kháng cáo vào ngày 21/10/2020 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/01/2022 bà Đặng Thị L có mặt tại phiên tòa nhưng đã tự ý bỏ về không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 1979 thực hiện chính sách trang trãi ruộng đất, nên Nhà nước thu hồi phần đất ruộng (Lúa) của cụ Võ Văn D và cụ Trương Thị R (cha mẹ của các nguyên đơn) diện tích 2.531m^2 cấp cho hộ ông Đặng Văn C (trên đất đã có các ngôi mộ của gia đình bà M). Ông C được UBND huyện Thạnh Hưng (nay là huyện V) cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu ngày 22/10/1991 thuộc thửa 372, diện tích 4.200m^2 (Lúa). Ngày 12/12/2008 ông C được UBND huyện V cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất thành thửa 130, diện tích 2.531m^2 (LUA) và thửa 132, diện tích 1.944m^2 (LUA). Ngày 23/6/2017 ông C chuyển nhượng toàn bộ hai thửa đất 130 và 132 cho bà Đặng Thị L (là em ruột của ông C) nhưng không chừa phần đất mồ mã của gia đình các nguyên đơn ra. Bà L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 15/9/2017 đối với thửa 130, diện tích 2.531m^2 (LUA), tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Bà M khiếu nại liên quan đến việc chừa diện tích đất khu mồ mã ra và được Tổ hòa giải ấp B, xã B hòa giải giữa bà M với ông C vào ngày 26/6/2017. Sau hòa giải của ấp B, thì gia đình bà M đã rào xung quanh khu mộ bằng trụ đá và lưới B40 với diện tích là 642,4m^2 có sự giám sát của cán bộ Tổ hòa giải ấp B và ông C. Sau khi được cấp QSD đất bà L không đồng ý nên đã tháo dỡ lưới B40 và trụ đá để nằm tại đất, đồng thời tự xây dựng hàng rào lưới B40 trên thửa 130 giáp phần đất của gia đình bà M (đất ông D là cha của các nguyên đơn) ngăn ngang các ngôi mộ đã làm cho gia đình bà M không vào khu đất mồ mã được, nên đã làm phát sinh tranh chấp giữa các bên.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Võ Thị Kim L đồng thời đại diện theo ủy quyền cho các nguyên đơn bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T thay đổi yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết công nhận cho nguyên đơn được sử dụng diện tích đất 224,8m^2 thuộc một phần thửa 130; Các nguyên đơn thống nhất trả giá trị cây trồng có trên diện tích đất 224,8m^2 cho bà L (Theo Biên bản định giá tài sản ngày 17/9/2020 của Hội đồng

định giá tài sản huyện V); Các nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với diện tích đất 417,6m^2 (642,4m^2 – 224,8m^2) thuộc một phần thửa 130 nữa và xin rút yêu cầu đối với diện tích đất 417,6m^2. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các nguyên đơn là có sơ sở. Mặc dù, theo Biên bản thỏa thuận giữa các đương sự đối với hiện trạng đất tranh chấp ngày 25/01/2021 bà L thống nhất giao cho các nguyên đơn diện tích đất khu mồ mã là 115m^2 (lớn hơn diện tích đất 61,8m^2 mà tại cấp sơ thẩm bà L tự nguyện giao), nhưng do diện tích đất bà L thống nhất giao thực tế là còn hẹp và nhỏ (còn 04 mộ đất nằm dưới mặt đất không thể hiện cụ thể trên mặt đất), rất khó khăn trong việc sử dụng đất cho gia đình bà M trong việc chăm sóc, quản lý khu mồ mã. Mặt khác, trước khi bà L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 15/9/2017 (do bà L nhận chuyển nhượng QSD đất từ hộ ông C theo Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 23/6/2017) thì vào ngày 26/6/2017 tại Tổ hòa giải ấp B khi hòa giải giữa bà M và ông C thì ông C đã thống nhất trả lại cho gia đình bà M diện tích đất mồ mã là 642,4m^2 (thời điểm này ông C vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận QSD đất tranh chấp), việc này đã được những người trong Tổ hòa giải như ông Trần Văn Ký (Tổ trưởng), ông Nguyễn Văn Miên (Thư ký), ông Nguyễn Bá Hưởng (Phó Ấp) và ông Nguyễn Thành Tâm xác nhận về việc ông C có đồng ý chừa khu đất mồ mã lại cho gia đình bà M và khi gia đình bà M xuống trụ đá và rào lưới B40 theo sự hướng dẫn của ông C có chứng kiến của các ông (theo văn bản ngày 20/01/2021 và ngày 09/3/2021). Ngoài ra, việc ông C thống nhất chừa phần đất mồ mã lại cho gia đình bà M còn được thể hiện theo Biên bản lấy lời khai của ông C ngày 24/7/2020 của Tòa án huyện V và theo trình bày của ông C trong Biên bản hòa giải ngày 26/6/2017 của Tổ hòa giải ấp B. Nhưng sau khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì bà L đã tháo dỡ hàng rào lưới B40 mà gia đình bà M đã rào chắn khu mồ mã diện tích 642,4m^2 và bà L đã xây dựng hàng rào lưới B40 xung quanh thửa đất 130 lại, đã làm cho gia đình bà M không thể vào khu đất mồ mã để quản lý, chăm sóc, thờ cúng được. Đồng thời, xét về nguồn gốc đất thì đất tranh chấp cũng là của ông D và bà R (cha mẹ các nguyên đơn), tuy nhiên khi cấp đất cơ quan có thẩm quyền đã không trừ phần đất mồ mã ra mà cấp cho hộ ông C và sau đó là bà L đã ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà M. Mặt khác, theo Đơn xin đăng ký QSD ruộng đất ngày 11/6/1991 của ông Đặng Văn C cũng như giấy chứng nhận QSD đất của ông C được UBND huyện Thanh Hưng (nay là huyện V) cấp lần đầu thì diện tích đất của ông C được cấp chỉ là 4.200m^2 (2L) thuộc thửa 372, TBĐ số 03; Việc UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 12/12/2008 thì diện tích là 4.475m^2 (thửa 123, diện tích 2.531m^2 và thửa 132, diện tích 1.944m^2) nếu trừ đi diện tích đất tranh chấp 224,8m^2 giao trả lại cho các nguyên đơn thì diện tích còn lại là 4.250,2m^2 (4.475m^2 - 224,8m^2) thì vẫn nhiều hơn diện tích đất ban đầu ông C được Nhà nước cấp là 50,2m^2 (4.250,2m^2 - 4.200m^2), khi Nhà nước thu hồi đất từ gia đình ông D, bà R để cấp cho ông C. Vì vậy, việc các nguyên đơn yêu cầu bà L trả lại diện tích đất 224,8m^2 có mồ mã ông bà cha mẹ của họ trên đất và thống nhất trả giá trị cây ăn trái cho bà L đã trồng vào tháng 8/2019 là phù hợp và cũng đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Đồng thời Hội đồng xét xử cũng

chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn về việc xin rút yêu cầu đối với diện tích đất 417,6m^2 (642,4m^2 – 224,8m^2) thuộc một phần thửa 130.

[4] Trong vụ án này các nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu đối với ông Đặng Văn C. Bị đơn bà L thống nhất sẽ tự thỏa thuận với ông C về việc chuyển QSD đất thửa 130 cho bà L (trong đó có đất tranh chấp), nên Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết đưa ông C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trường hợp các đương sự có tranh chấp với ông C sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Quốc M. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận cho các nguyên đơn được sử dụng diện tích đất 224,8m^2; Ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng trên đất cho bà L gồm: 06 cây xoài x 460.000đ/cây = 2.760.000đ, 03 cây hạnh x 125.000đ/cây = 375.000đ, 09 cây mít x 160.000đ/cây = 1.440.000đ, 02 cây bơ x 270.000đ/cây = 540.000đ, 05 cây ổi x 115.000đ/cây = 575.000đ, 01 cây bưởi x 160.000đ/cây = 160.000đ, tổng cộng giá trị cây trồng là: 5.850.000 đồng (theo Biên bản định giá ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện V, tỉnh Đồng Tháp, cây ăn trái này được trồng từ 01 năm đến dưới 03 năm); Buộc bà L có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ hàng rào lưới B40, vật kiến trúc của bà L để giao QSD đất diện tích 224,8m^2 cho các nguyên đơn; Đồng thời đình chỉ yêu cầu của các nguyên đơn đối với QSD đất diện tích 417,6m^2 thuộc thửa 130.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bà Võ Thị Quốc M được chấp nhận và án sơ thẩm bị sửa, nên bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Quốc M;

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 148, 157, 165, 166 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 100, 106, 166, 170 và 203 của Luật Đất đai; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T đối với quyền sử dụng đất diện tích 224,8m^2 thuộc thửa 130;

2.1.1. Công nhận cho bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T được quyền sử dụng đất diện tích 224,8m^2 trong phạm vi các mốc M1, M2, M6, M7, M8, M9, M18, M10 về M1 thuộc một phần thửa 130, diện tích 2.531m^2 (LUA), tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp do bà Đặng Thị L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/9/2017 (Theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

2.1.2. Buộc bà Đặng Thị L có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ hàng rào lưới B40, vật kiến trúc và tài sản khác (không bao gồm cây trồng trên đất) để giao quyền sử dụng đất diện tích 224,8m^2 nêu trên cho bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T được quyền sử dụng.

2.1.3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích 224,8m^2 được công nhận như nêu trên. Bà Đặng Thị L có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh giảm quyền sử dụng đất diện tích 224,8m^2 đã giao trả lại cho các nguyên đơn.

2.1.4. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 224,8m^2 theo các mốc M1, M2, M6, M7, M8, M9, M18, M10 về mốc M1 thuộc một phần thửa 130, diện tích 2.531m^2 (LUA), tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp do bà Đặng Thị L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 15/9/2017 để cấp lại cho bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T (Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

2.2. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T trả giá trị cây trồng gồm: 06 cây xoài, 03 cây hạnh, 09 cây mít, 02 cây bơ, 05 cây ổi và 01 cây bưởi trên diện tích đất 224,8m^2 cho bà Đặng thị L với số tiền là 5.850.000 đồng (Kèm theo Biên bản định giá ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện V, tỉnh Đồng Tháp).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T được quyền sở hữu đối với cây trồng trên diện tích đất 224,8m^2 được công nhận như nêu trên gồm: 06 cây xoài, 03 cây hạnh, 09 cây mít, 02 cây bơ, 05 cây ổi và 01 cây bưởi (Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp).

2.3. Đình chỉ yêu cầu của các nguyên đơn bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T đối với quyền sử dụng đất diện tích 417,6m^2 thuộc thửa 130.

2.4. Trong trường hợp các đương sự có tranh chấp với ông Nguyễn Văn C liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng QSD đất thửa 130, diện tích 2.531m^2 (LUA), tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp do bà Đặng Thị L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/9/2017 sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2.5. Về án phí và chi phí tố tụng

2.5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T phải chịu 1.566.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: BH/2018/0008970 ngày 05/12/2019 (số tiền là 1.000.000 đồng); Biên lai thu tạm ứng án phí số: BI/2019/0009576 ngày 01/10/2020 (số tiền là 300.000 đồng) và Biên lai thu tạm ứng án phí số: BI/2019/0009700 ngày 21/10/2020 (số tiền là 300.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Bà M, ông H, bà P, bà L, bà Hoàng, bà Điệp và ông T được nhận lại số tiền thừa là 34.000 đồng.

2.5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị Quốc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BI/2019 0009700 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2.5.3. Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn bà Võ Thị Quốc M, ông Võ Văn H, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị K, bà Võ Thị Đ và ông Võ Công T tự nguyện chịu gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 3.843.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 1.200.000 đồng, tổng cộng 5.043.000 đồng. Số tiền này các nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi xong, nên các nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tấn L